

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân”; Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung trong Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 4069/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 138/GP-UBND ngày 09/4/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Đá ốp lát Hoan Liên tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân;

Căn cứ Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Pha Đura, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân của Công ty TNHH Đá ốp lát Hoan Liên;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày 07/5/2020 của Công ty TNHH Đá ốp lát Hoan Liên (kèm theo hồ sơ);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 570/TTr-STNMT ngày 15 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Đá ốp lát Hoan Liên (Mã số doanh nghiệp: 2800719799 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, có địa chỉ tại số nhà 168, phố Cao Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa) được khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 34.593,3 m²; trong đó, khu vực khai thác là 22.668,3 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 9, 10, 3', 4, 11 và 5; khu vực khai trường là 11.925 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 2, 8, 7, 6 và 5 có tọa độ xác định tại Phụ lục 1 và trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo.

- Mức sâu khai thác: Thấp nhất +142 m.

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 1.073.178 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 80.488 m³ đá khối để xẻ.

+ Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác: 733.769 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 55.033 m³ đá khối để xẻ.

- Công suất khai thác: 24.800 m³/năm.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên;

- Thời hạn khai thác: 29 năm 9 tháng kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 02 tháng.

Điều 2. Công ty TNHH Đá ốp lát Hoan Liên có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Lập hồ sơ thuê đất và nộp về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Giấy phép số 138/GP-UBND ngày 09/4/2015 của UBND tỉnh.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty TNHH Đá ốp lát Hoan Liên phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Công ty TNHH Đá ốp lát Hoan Liên;
- Các Sở: XD, CT, GTVT, TN&MT;
- Công an tỉnh;
- UBND huyện Như Xuân;
- UBND xã Thanh Xuân;
- Lưu: VT, CN (Tungct).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục số: 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG
TẠI XÃ THANH XUÂN, HUYỆN NHƯ XUÂN**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰⁰ ', múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2179 655.60	533 331.38
2	2179 676.46	533 237.37
3'	2179 528.86	533 231.18
4	2179 443.40	533 358.10
5	2179 541.90	533 414.30
6	2179 591.70	533 442.80
7	2179 696.00	533 364.00
8	2179 720.50	533 245.10
9	2179 667.10	533 278.87
10	2179 592.20	533 265.23
11	2179 515.25	533 399.18
Diện tích mỏ S= 34.593,3 m²		